SỞ GD & ĐT BÌNH PHƯỚC **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

 **TRƯỜNG THPT LÊ QUÝ ĐÔN Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**TỔ : ĐỊA LÍ**

 ***Đức Liễu, ngày 12 tháng 9 năm 2020***

**KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH MÔN ĐỊA LÍ**

**NĂM HỌC: 2020 - 2021**

**KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA LÍ LỚP 10**

Cả năm 36 tuần ( 54 tiết)

Học kì I: 18 tuần ( 36 tiết)

Học kì II: 18 (18 tiết)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **Số tiết** | **Phần, chủ đề, bài số, tên bài** | **Địa chỉ tích hợp môi trường, Kỹ năng sống** | **Phần cần đều chỉnh, kiểm tra**  |
|  | **Học kì I: Phần một: ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN****Chủ đề 1: BẢN ĐỒ** |  | Bài 1: Không dạy |
| 1 | Bài 2: Một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ. |  |  |
| 1 | Bài 3: Sử dụng bản đồ trong học tập và đời sống. | -KN: Giao tiếp, tư duy, làm chủ bản thân-PP/KT: Thuyết trình tích cực, động não, suy nghĩ, thảo luận cặp đôi- chia sẻ. |  |
| 1 | Bài 4: Thực hành: Xác định Một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ  |  |  |
|  | **Chủ đề 2: VŨ TRỤ, HỆ QUẢ CÁC CHUYỂN ĐỘNG CỦA TRÁI ĐẤT** |  |  |
| 2 | Bài 5: Vũ Trụ, Hệ Mặt Trời và Trái Đất. Hệ quả chuyển động tự quay của Trái Đất |  |  |
| 1 | Bài 6: Hệ quả chuyển động xung quanh Mặt Trời của Trái Đất | KN: Tự nhận thức, giao tiếp, tư duy,làm chủ bản thânPP/KT: Suy nghĩ - thảo luận, cặp đôi chia sẻ, nhóm nhỏ, động não |  |
|  | **Chủ đề 3: CẤU TRÚC CỦA TRÁI ĐÂT, THẠCH QUYỂN** |  |  |
| 1 | Bài 7: Cấu trúc của Trái Đất, Thạch Quyển, Thuyết kiến tạo mảng | Môi trường: Mục I.1: Lớp vỏ Trái ĐấtMục II: Thuyết kiến tạo mảng |  |
| 1 | Bài 8: Tác động của nội lực đến địa hình bề mặt Trái Đất | Môi trường: Mục II: 1. Vận động theo phương thẳng đứng và theo phương nằm ngangKN: Tự nhận thức, giao tiếp, làm chủ bản thânPP/KT: Thuyết trình tích cực, suy nghĩ, thảo luận cặp đôi- chia sẻ, nhóm nhỏ |  |
| 1 | Bài 10: Thực hành: Nhận xét về sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa và các vùng núi trẻ trên bản đồ | KN: Giao tiếp, tư duyPP/KT: Thuyết trình tích cực, nhóm nhỏ, hoàn tất nhiệm vụ |  |
| 2 | Bài 9: Tác động của ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất | KN: Tự nhận thức, Giao tiếp, tư duy, làm chủ bản thânPP/KT: Đàm thoại gợi mở, nhóm nhỏ, phát vấn, tranh luận |  |
|  | **Chủ đề 4: KHÍ QUYỂN** |  |  |
| 1 | Bài 11: Khí quyển sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất | Môi trường: Mục II: Sự phân bố nhiệt độ của không khí trên Trái ĐấtKN: Tự nhận thức, giao tiếp, làm chủ bản thânPP/KT: Thuyết trình tích cực, hỏi – đáp,suy nghĩ, thảo luận cặp đôi- chia sẻ, nhóm nhỏ | Mục I: Cấu trúc khí quyển; khuyến khích HS tự học |
| 1 | Bài 12: Sự phân bố khí áp, một số loại gió chính |  |  |
| 1 | Bài 13: Ngưng đọng hơi nước trong khí quyển. Mưa |  | Mục I: Ngưng đọng hơi nước trong khí quyển: khuyến khích HS tự học |
| 1 | Bài 14: Thực hành. Đọc bản đồ sự phân hóa các đới và các kiểu khí hậu trên Trái Đất. Phân tích biểu đồ một số kiểu khí hậu |  |  |
| 1 | Ô tập nhận biết biểu đồ |  |  |
| 1 | Ôn tập: Kiểm tra giữa kì I (45 Phút) |  |  |
| 1 | Kiểm tra giữa kì I (45 Phút) |  | Tuần 9 kiểm tra |
|  | **Chủ đề 5: THỦY QUYỂN** |  |  |
| 1 | Bài 15: Thủy quyển. Một số nhân tố ảnh hưởng đến chế độ nước sông. Một số sông lớn trên thế giới | Môi trường: Mục I: Thuỷ quyểnMục II: 1.Chế độ mưa, băng tuyết và nước ngầm2. Địa thế, thực vật và hồ đầmKN: Giao tiếp, tư duy, làm chủ bản thânPP/KT: Thuyết trình tích cực, đàm thoại gợi mở, phát vấn, nhóm nhỏ, hoàn tất nhiệm vụ |  |
| 1 | Bài 16: Sóng, Thủy triều và dòng biển |  |  |
|  | **Chủ đề 6: THỔ NHƯỠNG QUYỂN VÀ SINH QUYỂN** |  |  |
| 1 | Bài 17: Thổ nhưỡng quyển. Các nhân tố ảnh hưởng đến thổ nhưỡng | Môi trường: Mục II: 6. Nhân tố con người  |  |
| 1 | Bài 18: Sinh quyển. Các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố sinh vật | Môi trường: Mục II: 5.Nhân tố con người KN: Giao tiếp, tư duy, làm chủ bản thânPP/KT: Thuyết trình tích cực, động não, suy nghĩ, thảo luận, cặp đôi- chia sẻ, nhóm nhỏ |  |
| 1 | Bài 19: Sự phân bố sinh vật và đất trên Trái Đất |  |  |
|  | **Chủ đề 7:MỘT SỐ QUY LUẬT CHỦ YẾU CỦA LỚP VỎ ĐỊA LÍ** |  |  |
| 1 | Bài 20: Lớp vỏ địa lí. Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí | Môi trường: Toàn bàiKN: Giao tiếp, tư duy, giải quyết vấn đề, làm chủ bản thânPP/KT: Làm việc với tranh ảnh, bản đồ, nhóm nhỏ, tranh luận tích cực |  |
| 1 | Bài 21: Q uy luật địa đới và quy luật phi dịa đới |  |  |
|  | **Phần II: ĐỊA LÍ KINH TẾ XÃ HỘI****Chủ đề 8: ĐỊA LÍ DÂN CƯ** |  |  |
| 1 | Bài 22: Dân số và sự gia tăng dân số | Môi trường: Mục 2.1: d: Ảnh hưởng của tình hình gia tăng dân số đối với sự phát triển KT –XHKN: Tư duy, làm chủ bản thânPP/KT: Thuyết trình tích cực, động não, sơ đồ tư duy, nhóm nhỏ |  |
| 1 | Bài 23: Cơ cấu dân số |  |  |
| 1 | Bài 24: Phân bố dân cư, các loại hình quần cư | Môi trường: Mục III: 3: Ảnh hưởng của đô thị hoá đến phát triển kt – xhKN: Giao tiếp, tư duy, làm chủ bản thânPP/KT: Thuyết trình tích cực, hỏi – đáp, suy nghĩ, thảo luận, cặp đôi- chia sẻ, nhóm nhỏ | Muc II: Phân loại và đặc điểm: không dạy Câu hỏi 2 phần câu hỏi và bài tập: không yêu cầu HS làm |
| 1 | Bài 25: Thực hànhPhân tích bản đồ dân cư thế giới |  |  |
|  | **Chủ đề 9 : CƠ CẤU KINH TẾ** |  |  |
| 1 | Bài 26: Cơ cấu kinh tế | Môi trường: Mục I: 2. Các nguồn lực tự nhiên |  |
|  | **Chủ đề 10: ĐỊA LÍ NÔNG NGHIỆP** |  |  |
| 1 | Bài 27: Vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng tới sự phân bố nông nghiệp. Một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp | Môi trường: Mục I.2.a. Đất trồng là tư liệu sản xuất chủ yếu không thể thiếu đượcb) Đối tượng của sx NN là các cây trồng và vật nuôic) Sản xuất nông nghiệp phụ thuộc vào ĐKTNMục II: Nhân tố tự nhiên | Mục III. Thể tổng hợp lãnh thổ NN: khuyến khích HS tự họcCâu hỏi 3 phần câu hỏi và bài tập: sửa thành Phân biệt những đặc điểm cơ bản của hai hình thức TCLTNN |
| 1 | Bài 28: Địa lí ngành trồng trọt | Môi trường: Mục II; Ngành trồng rừngKN: Tự nhận thức,giao tiếp, tư duyPP/KT: Thuyết trình tích cực, động não, nhóm nhỏ, trình bày một phút |  |
| 1 | Bài 29: Địa lí ngành chăn nuôi |  | Muc II: Các ngành chăn nuôi: không day vai trò đặc điểm của vật nuôi (cột 2, bảng thống kê sgk) |
| 1 | Bài 30: Thực hành: Vẽ phân tích biểu đồ về sản lượng lương thực, dân số của thế giới và một số quốc gia |  |  |
| 1 | Ôn Tập chuẩn bị cho học kì I |  |  |
| 1 | Kiểm tra học kì I |  | Tuần 18 |
|  | **Học kì II: Chủ đề 11: ĐỊA LÍ CÔNG NGHIỆP** |  | Bài 38,39 hướng dẫn HS tự làm, tự đọc |
| 1 | Bài 31: Vai trò và đặc điểm của công nghiệp. Các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố công nghiệp | KN: Giao tiếp, tư duyPP/KT: Thuyết trình tích cực, suy nghĩ, thảo luận cặp đôi- chia sẻ, nhóm nhỏ |  |
| 2 | Bài 32: Địa lí ngành công nghiệp |  | CN luyện kim, CN hóa chất không dạy. Câu hỏi 2 phần câu hỏi và bài tập: không yêu cầu HS làm |
| 1 | Bài 33: Một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiêp |  |  |
| 1 | Bài 34: Thực hành: vẽ biểu đồ tình hình sản xuất một số sản phảm công nghiệp trên thế giới |  |  |
| 2 | Ôn tập chuẩn bị kiểm tra 45 phút |  |  |
| 1 | **Kiểm tra 45 phút** |  | Tuần 26 |
|  | **Chủ đề 12: ĐỊA LÍ NGÀNH DỊCH VỤ** |  |  |
| 1 |  Bài 35: Vai trò, các nhân tố ảnh hưởng và đặc điểm phân bố ngành dịch vụ | Môi trường: Mục II: Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành GTVT |  |
| 1 | Bài 36: Vai trò, các nhân tố ảnh hưởng và đặc điểm phân bố ngành giao thông vận tải | Môi trường : Mục II: .1: Điều kiện tự nhiên |  |
| 2 | Bài 37: Địa lí ngành giao thông vận tải  | Môi trường: Đường tô, đường sông hồ, đường biển, đường hàng khôngKN: Giao tiếp, tư duyPP/KT: hỏi – đáp,hỏi chuyên gia, động não, nhóm nhỏ, trình bày 1 phút |  |
| 1 | Bài 40: Địa lí ngành thương mại |  | Mục IV: Các tổ chức thương mại không dạy |
|  | **Chủ đề 13 MÔI TRƯỜNG VÀ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG** |  |  |
| 2 | Bài 41,42: Môi trường và tài nguyên thiên nhiên, sử dụng hợp lí tài nguyên, bảo vệ môi trường là điều kiên phát triển | Môi trường: Toàn bàiKN: Giao tiếp, tư duy, giải quyết vấn đềPP/KT: Thuyết trình tích cực, cặp đôi- chia sẻ, nhóm nhỏ | Mục II, bài 41, mục II, III bài 42Hướng dẫn học sinh tự học |
| 2 | Ôn Tập chuẩn bị cho học kì II |  |  |
| 1 | Kiểm tra học kì II |  | Tuần 36 |

**KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA LÍ LỚP 11**

**Cả năm 36 tuần (36 tiết)**

**Học kì I: 18 tuần (18 tiết)**

**Học kì II: 18 tuần (18 tiết)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số tiết** | **Phần, chủ đề, bài số, tên bài** | **Địa chỉ tích hợp môi trường, Kỹ năng sống** | **Phần cần đều chỉnh, kiểm tra** |
|  | **Học kì I****A. KHÁI QUÁT VỀ KINH TẾ XÃ HỘI THẾ GIỚI** |  |  |
|  | **Chủ đề 1: SỰ TƯƠNG PHẢN VỀ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI CỦA CÁC NHÓM NƯỚC** |  |  |
| 1 | Bài 1: Sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế xã hội của các hóm nước. Cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại | KN: Giao tiếp, tư duy, làm chủ bản thânPP/KT: Thuyết trình tích cực, nhóm nhỏ, cặp đôi |  |
|  | **Chủ đề 2 XU HƯỚNG TOÀN CẦU HÓA, KHU VỰC HÓA** |  |  |
| 1 | Bài 2: Xu hướng toàn cầu hóa, khu vực hóa kinh tế | KN: Giao tiếp, tư duy, làm chủ bản thânPP/KT: Động não, trình bày 1 phút, làm việc nhóm |  |
|  | **Chủ đề 3: MỘT SỐ VẤN ĐỀ MANG TÍNH TOÀN CẦU** |  |  |
| 1 | Bài 3: Một số vấn đề mang tính toàn cầu | Môi trường: MụcII: Biến đổi khí hậu toàn cầu và suy giảm tầng ôzon. Ô nhiễm nguồn nước ngọt, biển và đại dương. Suy giảm đa dạng sinh họcKN: Giao tiếp, tư duy, làm chủ bản thânPP/KT: Động não, hỏi chuyện chuyên gia, trình bày1 phút, hỏi đáp, nhóm, thuyết trình tích cực, trao đổi, viết báo cáo ngắn |  |
| 1 | Bài 4: Thực hành: Tìm hiểu những thử thách của toàn cầu hóa đối với các nước đang phát triển | Môi trường: Mục I: Những cơ hội thách thức của toàn cầu hoá đối với các nước đang phát triểnKN: Giao tiếp, tư duy, làm chủ bản thânPP/KT: Động não, hỏi chuyện chuyên gia, trình bày 1 phút, hỏi đáp, nhóm, thuyết trình tích cực, trao đổi, viết báo cáo ngắn |  |
|  | **Chủ đề 4: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỦA CHÂU LỤC VÀ KHU VỰC** |  |  |
| 1 |  ***Nội dung1***: Bài 5 tiết 1: Một số vấn đề của Châu Phi | Môi trường: Mục I: Một số vấn đề về tự nhiên Mục II: Một số vấn đề về dân cư, xã hộiKN: Giao tiếp, tư duy, làm chủ bản thânPP/KT: Hỏi chuyện chuyên gia, nhóm, trình bày 1 phút, triển lãm phòng tranh, viết báo cáo ngắn |  |
| 1 | ***Nội dung2***: Bài 5 tiết 2: Một số vấn đề của Mỹ La Tinh | Môi trường: Mục I: Một số vấn đề về tự nhiên, dân cư xã hội |  |
| 1 | ***Nội dung3***: Bài 5 tiết 3: Một số vấn đề của khu vực Tây Nam Á và khu vực Trung Á | Môi trường: Mục I: Đặc điểm của khu vực Tây Nam Á và khu vực Trung Á Mục II. Một số vấn đề của khu vực Tây Nam Á và khu vực Trung ÁKN: Giao tiếp, tư duy, giải quyết vấn đề, làm chủ bản thânPP/KT: Hỏi đáp, làm việc nhóm, chia sẻ ý tưởng , trình bày 1 phút |  |
| 1 | **Ôn tập kiểm tra giữa kỳ** |  |  |
| 1 | **Kiểm tra giữa kì I (45 phút)** |  | Tuần 9 |
|  | **B. ĐỊA LÍ KHU VỰC VÀ QUỐC GIA** |  |  |
| 1 | Bài 6: Hoa Kì tiết 1: Tự nhiên và dân cư | Môi trường: Mục II: Điều kiện tự nhiên |  |
| 1 | Bài 6: Hoa kì tiết 2: Kinh tế | KN: Giao tiếp, tư duy, làm chủ bản thânPP/KT: Thuyết trình tích cực, nhóm, hỏi – đáp, viết báo cáo ngắn |  |
| 1 | Bài 6: Hoa kì tiết 3: Thực hành tìm hiểu sự phân hóa lãnh thổ sản xuất Hoa Kì | Môi trường: Mục II các ngành kt: ngành công nghiệp |  |
|  | **Chủ đề: 2; LIÊN MINH CHÂU ÂU ( EU)** |  | Tiết 4: Cộng hòa liên bang Đức; không dạy |
| 1 | Bài 7: Liên minh Châu Âu tiết 1: EU liên minh khu vực lớn nhất thế giới |  |  |
| 1 | Bài 7: Liên minh Châu Âu tiết 2: EU hợp tác liên kết cùng có lợi | KN: Giao tiếp, tư duy, làm chủ bản thânPP/KT: Thuyết trình tích cực, nhóm, cặp đôi, hỏi - đáp |  |
| 1 | Bài 7: Liên minh Châu Âu tiết 3: Thực hành tìm hiểu về liên minh Châu Âu | KN: Giao tiếp, tư duy, làm chủ bản thânPP/KT: Thuyết trình tích cực, nhóm, hỏi chuyên gia |  |
|  | **Chủ đề 3: LIÊN BANG NGA** |  |  |
| 11 | Bài 8: Liên Bang Nga tiết 1 Tự nhiên dân cư và xã hội | Môi trường:Mục II: Điều kiện tự nhiênKN: Giao tiếp, tư duy, làm chủ bản thânPP/KT: Động não thuyết trình tích cực ,nhóm, hỏi đáp |  |
| 1 | Ôn Tập chuẩn bị cho học kì I |  |  |
| 1 | Kiểm tra học kì I |  | Tuần 18 |
| 1 | **Học kỳ II**: Bài 8: Liên Bang Nga tiết 2: Kinh tế | Mục II: Các ngành kt: ngành công nghiệp, nông nghiệp |  |
| 1 |  Bài 8: Liên Bang Nga tiết 3: Thực hành tìm hiểu sự thay đổi phân bố nông nghiệp của Liên Bang Nga |  |  |
|  |  **Chủ đề 4: NHẬT BẢN** |  |  |
| 1 | Bài 9: Nhật Bản tiết 1: Tự nhiên, dân cư, tình hình phát triển kinh tế | Môi trường: Mục I: Điều kiện tự nhiên |  |
| 1 | Bài 9: Nhật Bản tiết 2: Các ngành kinh tế và các vùng kinh tế | Môi trường: Mục I: Các ngành kt: Ngành Công nghiệp | Mụ II: Khuyến khích học sinh tự học |
| 1 | Bài 9: Nhật Bản tiết 3: Thực hành tìm hiểu hoạt động kinh tế đối ngoại của Nhật Bản | KN: Giao tiếp, tư duy, làm chủ bản thânPP/KT: Thuyết trình tích cực, nhóm, hỏi chuyên gia, trình bày 1 phút |  |
|  | **Chủ đề 5: TRUNG QUỐC** |  | Tiết 3: Thực hành; khích học sinh tự học |
| 1 | Bài 10: Trung Quốc tiết 1: Tự nhiên, dân cư và xã hội | Môi trường: Mục II: Điều kiện tự nhiênKN: Giao tiếp, tư duy, làm chủ bản thânPP/KT: Động não, nhóm, hỏi đáp, hỏi chuyên gia, |  |
| 1 | Bài 10: Trung Quốc tiết 2: Kinh tế | Môi trường: Mục II các ngành kt: ngành công nghiệp, nông nghiệp |  |
| 1 | Hướng dẫn nhận biết biểu đồ, nhận xét bảng số liệu  |  |  |
| 1 | **Ôn tập kiểm tra 45 phút** |  |  |
| 1 | **Kiểm tra 45 phút** |  | Tuần 28 |
| 1 | Bài 12: Ôx trâylia tiết 2: Thực hành tìm hiểu về dân cư Ôxtrâylia | KN: Giao tiếp,t ư duy, giải quyết vấn đề, làm chủ bản thânPP/KT: Nhóm, cá nhân, Kỹ thuật phòng tranh, hỏi- đáp | Tiết 1. hướng dẫn Học sinh tự học |
|  | **Chủ đề 6: ĐÔNG NAM Á** |  |  |
| 1 | Bài 11: Đông Nam Á tiết 1: Tự nhiên, dân cư và xã hội | Môi trường: Mục I: .2. Đặc điểm tự nhiên3. Đánh giá ĐKTN của Đông Nam ÁKN : Giao tiếp, tư duy, làm chủ bản thânPP/KT: Cá nhân, nhóm, lập sơ đồ, hỏi đáp |  |
| 1 | Bài 11: Đông Nam Á tiết 2: Kinh tế | MT: Công nghiệp, Nông nghiệpKN: Giao tiếp, tư duy, làm chủ bản thânPP/KT: Cá nhân, trình bày 1 phút, suy nghĩ, cặp đôi, chia sẻ |  |
| 1 | Bài 11: Đông Nam Á tiết 3: Hiệp hội các nước Đông Nam Á ( ASEAN) | KN: Tự nhận thức, giao tiếp, tư duy, làm chủ bản thânPP/KT: Nhóm, hỏi chuyên gia, trao đổi, thảo luận, trình bày 1 phút triển lãm phòng tranh,viết báo cáo ngắn | Mục II: thành tịu của ASEAN |
| 1 | Bài 11: Đông Nam Á, tiết 4: Thực hành tìm hiểu hoạt động kinh tế đối ngoại của Đông Nam Á | KN: Giao tiếp, tư duy, giải quyết vấn đề, làm chủ bản thânPP/KT: Nhóm, cá nhân, kỹ thuật phòng tranh, hỏi- đáp |  |
| 2 | Ôn Tập chuẩn bị cho học kì II |  |  |
| 1 | Kiểm tra học kì II |  | Tuần 36 |

**KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA LÍ LỚP 12**

**Cả năm: 36 tuần (54 tiết)**

**Học kì I: 18 tuần (18 tiết)**

**Học kì II: 18 tuần (36 tiết)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số tiết** | **Phần, chủ đề, bài số, tên bài** | **Địa chỉ tích hợp môi trường, Kỹ năng sống** | **phần cần đều chỉnh, kiểm tra** |
|  | **HỌC KÌ I: ĐỊA LÍ VIỆT NAM** |  | Bài 4,5 không dạy |
|  | **Chủ đề 2: ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN** |  |  |
|  | ***Nội dung 1: VỊ TRÍ ĐỊA LÍ PHẠM VI LÃNH THỔ*** |  |  |
| 1 | Bài 2: Vị trí địa lí phạm vi lãnh thổ | KN: Tư duy ,làm chủ bản thânPP/KT: Đàm thoại gợi mở, phát vấn, thuyết trình tích cực, nhóm nhỏ, |  |
| 1 | Bài 3: Thực hành: Vẽ lược đồ Việt Nam |  |  |
|  | ***Nội dung 3: ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA TỰ NHIÊN*** |  | Bài 7: Phần thế mạnh tự nhiên, đồng bằng không dạy |
| 1 | Hướng dẫn học sinh cách sử dụng atlat Địa Lí Việt Nam |  |  |
| 3 | Bài 6: Đất nước nhiều đồi núi, bài 13 thực hành: Thực hành đọc bản đồ địa hình điền vào lược đồ trống một số dãy núi và đỉnh núi | KN: Tư duy, làm chủ bản thânPP/KT: Kiến tạo lại, nhóm, tranh luận, thuyết trình tích cực | Tích hợp bài 13 vào bài 6Bài tập 2 bài 13 khuyến khích học sinh tự làm |
| 1 | Bài 8: Thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển | Môi trường: Mục 2: Ảnh hưởng của biển Đông đến thiên nhiên Việt NamKN: Giao tiếp, tư duy, giải quyết vấn đềPP/KT: Cá nhân, nhóm, đàm thoại , phát vấn |  |
| 1 | **Ôn tập kiểm tra giữa kì I (45 phút)** |  |  |
| 1 | **Kiểm tra giữa kì I (45 phút)** |  | Tuần 9 |
| 2 | Bài 9,10: Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa | Môi trường: Mục 1: Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa Mục 2: Các thành phần tự nhiên khácMục 3: Ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến hoạt động sản xuất và đời sốngKN: Giao tiếp, tư duy, giải quyết vấn đềPP/KT: Cá nhân, nhóm, tranh luận, thuyết trình tích cực |  |
| 2 | Bài 11,12:Thiên nhiên phân hóa đa dạng | KN: Tư duy, tự nhận thứcPP/KT: Nhóm, tranh luận, thuyết trình tích cực, hỏi đáp |  |
|  | ***Nội dun 4: VẤN ĐỀ SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN*** |  |  |
| 1 | Bài 14: Sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên | Môi trường: Toàn bàiKN: Tự nhận thức, giao tiếp, tư duy, làm chủ bản thânPP/KT: Quan sát, xử lí thông tin qua phương tiện trực quan, động não, đàm thoại gợi mở, phát vấn, nhóm nhỏ |  |
| 1 | Bài 15: Bảo vệ môi trường và phòn chống thiên tai | Môi trường: Toàn bàiKN: Giao tiếp, tư duy, làm chủ bản thânPP/KT: Động não, hỏi đáp, tranh luận, nhóm nhỏ, thuyết trình tích cực |  |
|  | **Chủ đề 3: ĐỊA LÍ DÂN CƯ** |  |  |
| 1 | ***Nội dung1:*** Bài 16: Đặc điểm dân số và phân bố dân cư nước ta | KN: Tự nhận thức, giao tiếp, làm chủ bản thânPP/KT: Suy nghĩ, thảo luận, cặp đôi, chia sẻ, động não, thuyết trình tích cực, sơ đồ tư duy |  |
| 1 | Ôn Tập chuẩn bị cho học kì I |  |  |
| 1 | Kiểm tra học kì I |  | Tuần 18 |
|  |  **Học kì II: Chủ đề 3: ĐỊA LÍ DÂN CƯ** |  |  |
| 1 | ***Nội dung2:*** Bài 17: Lao động và việc làm | KN: Tư duy, giải quyết vấn đềPP/KT: Suy nghĩ, thảo luận, cặp đôi, chia sẻ, động não, thuyết trình tích cực, |  |
| 1 | ***Nội dung3:*** Bài 18: Đô Thị Hóa |  |  |
| 1 | Bài 19: Thực hành: vẽ biểu đồ và phân tích sự phân hóa thu nhập bình quân theo đầu người giữa các vùng |  |  |
|  | **Chủ đề 4: ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ** |  |  |
| 2 | ***Nội dung 1***: Bài 1: Việt Nam trên đường đổi mới và hội nhập; Bài 20 chuyển dịch cơ cấu kinh tế | KN: Giao tiếp, tư duyPP/KT: Kiến tạo lại, đàm thoại gợi mở, phát vấn, suy nghĩ, thảo luận , cặp, nhóm, chia sẻ |  |
|  | ***Nội dung 2: MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NÔNG NGHIỆP*** |  | Bài 21: Đặc điểm nền nông nghiệp nước ta khuyến khích học sinh tự làm, Bài 25 tổ hức lãnh thổ nông nghiệp khuyến khích học sinh tự đọc |
| 1 | Bài 22: Vấn đề phát triển nông nghiệp | Môi trường: Mục I: Ngành trồng trọt | Mục 1: b. sản xuất cây thực phẩmMục 2: b. ngành chăn nuôi gia súc ăn cỏ: không dạy |
| 1 | Bài 23: Thực hành phân tích sự chuyển dịch cơ cấu ngành trồng trọt |  | Bài tập 1 ý b không yêu cầu học sinh làm |
| 1 | Bài 24: Vấn đề phát triển ngành thủy sản và lâm nghiệp | Môi trường: Mục 1: Ngành thuỷ sảnKN: Giao tiếp, tư duy, giải quyết vấn đềPP/KT: Nhóm nhỏ, động não, thuyết trình tích cực | Mục 2: Lâm nghiệp,b. tài nguyên rừng của nước ta vốn giàu có, nhưng đã bị suy thoái |
|  | ***Nội dung 3: MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP*** |  |  |
| 1 | Bài 26: Cơ cấu ngành công nghiệp |  |  |
| 2 | Bài 7: Vấn đề phát triển một số ngành công nghiệp trọng điểm |  |  |
| 1 |  Bài28: Vấn đề tổ chức lãnh thổ công nghiệp | Môi trường: Mục 3; Các hình thức chủ yếu về tổ chức LTCN | Mục 2: Các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến TCLTNN không dạy |
| 1 | Bài 29: Thực hành: Vẽ biểu đồ, nhận xét và giải thích sự dịch chuyển cơ cấu công nghiệp |  |  |
| 2 | Ôn tập bảng số liệu, biểu đồ |  |  |
| 2 | Ôn tập phần Atlat |  |  |
| 2 | Ôn Tập kiểm tra 45 phút |  |  |
| 1 | **Kiểm tra viết 45 phút** |  | Tuần 28 |
|  | ***Nội dung 4: MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÁC NGÀNH DỊCH VỤ*** |  | Bài 34: Thực hành không yêu cầu HS làm |
| 1 | Bài 30: Vấn dề phát triển ngành giao thông vận tải và thông tin liên lạc |  |  |
| 2 | Bài 31: Vấn đề phát triển thương mại và du lịch | Môi trường: Mục 2: Tài nguyên du lịchKN :Giao tiếp, tư duy, làm chủ bản thânPP/KT: Động não, gợi mở, phát vấn, thuyết trình tích cực |  |
|  | **Chủ đề 5: ĐỊA LÍ CÁC VÙNG KINH TẾ** |  | Bài 34,40, 43, 44, 45 khuyến khích học sinh tự làm, tựu đọc, tự cập nhật |
| 1 | ***Nội dung 1***: Bài 32: Vấn đề khai thác thế mạnh vùng Trung du miền núi Bắc Bộ | KN: Tư duy, giải quyết vấn đềPP/KT: Hỏi đáp, phát vấn, thuyết trình tích cực | Mục 1:chỉ dạy nọi dung về phạm vi lãnh thổ, tên tỉnh, VTĐL, không dạy phần khái quát còn lại; Câu hỏi 1phần câu hỏi và bài tập không yêu cầu học sinh làm |
| 1 | ***Nội dung 2***: Bài 33: Vấn đề chuyển dịch cơ cấu theo ngành ở đồng bằng sông Hồng | Môi trường; Mục 2: Khai thác chế biến khoáng sản và thuỷ điệnMục 3: Trồng và chế biến cây CN, cây dược liệu, rau quả cận nhiệt và ôn đớiMục 5: KT BiểnKN: Tư duy, giải quyết vấn đềPP/KT: Hỏi đáp, phát vấn, thảo luận, thuyết trình tích cực |  |
| 1 | ***Nội dung 3***: Bài 35: Vấn đề phát triển kinh tế xã hội ở Bắc Trung Bộ |  Môi trường: Mục 2: Các hạn chế chủ yếu của vùng KN : Giao tiếp, tư duy, giải quyết vấn đềPP/KT:Động não, thuyết trình tích cực, cặp, nhóm | Mục 1: Chỉ dạy nội dung về phạm vi lãnh thổ, tên tỉnh, VTĐL, không dạy phần khái quát còn lại; Câu hỏi1phần câu hỏi và bài tập không yêu cầu học sinh làm |
| 1 | ***Nội dung 4***: Bài 36: Vấn đề phát triển kinh tế xã hội ở Duyên hải Nam Trung Bộ | Môi trường: Mục 2; phát triển tổng hợp kinh tế biểnKN: Giao tiếp, tư duy, giải quyết vấn đềPP/KT: Động não, thuyết trình tích cực, hỏi –đáp, cặp, nhóm | Mục 1: Chỉ dạy nội dung về phạm vi lãnh thổ, tên tỉnh, VTĐL, không dạy phần khái quát còn lại; Câu hỏi1hần câu hỏi và bài tập không yêu cầu học sinh làm |
| 1 | ***Nội dung 5***: Bài 37: Vấn đề phát triển kinh tế xã hội ở Tây Nguyên | Môi trường: Mục 2: Phát triển cây CN lâu nămMục 3: Khai thác chế biến lâm sảnMục 4: Khai thác thuỷ năng kết hợp thủy lợiKN: Giao tiếp, tư duy, làm chủ bản thânPP/KT: Động não, thuyết trình tích cực, hỏi –đáp, cặp, nhóm, chia sẻ | Mục 1: Chỉ dạy nội dung về phạm vi lãnh thổ, tên tỉnh, VTĐL, không dạy phần khái quát còn lại; Câu hỏi1phần câu hỏi và bài tập không yêu cầu học sinh làm |
| 1 | Bài 38: Thực hành so sánh cây công nghiệp lâu năm và chăn nuôi gia súc lớn giữa vùng Tây Nguyên và Trung du miền núi Bắc Bộ | Môi trường: Mục 2: Các thế mạnh và hạn chế của vùngMục 3: Khai thác theo chiều sâu |  |
| 1 | ***Nội dung 6***: Bài 39: Vấn đề khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ | KN: Giao tiếp, tư duy, giải quyết vấn đềPP/KT: Động não, thuyết trình tích cực, hỏi –đáp,  | Mục 2. Các thế mạnh và hạn chế của vùng không dạy |
| 1 | ***Nội dung 7***: Bàii 41: Vấn đề sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên ở đồng bằng Sông Cửu Long | Môi trường: Mục 3; Sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên ở đồng bằng Sông Cửu LongKN: Giao tiếp, tư duy, làm chủ bản thânPP/KT: Động não, thuyết trình tích cực, nhóm, phát vấn | Mục 1: Chỉ dạy nọi dung về phạm vi lãnh thổ, tên tỉnh, VTĐL, không dạy phần khái quát còn lại;  |
| 2 | ***Nội dung 8***: Bài 42:Vấn Đề phát triển kinh tế, quốc phòng ở Biển Đông , các đảo và quần đảo | Môi trường: Mục 1: Vùng biển và thềm lục địa của nước ta giàu TN. Mục 3: Khai thác tổng hợp các TN vùng biển và hải đảoKN: Tự nhận thức,suy nghĩ sáng tạo, làm chủ bản thân |  |
| 2 | Ôn Tập chuẩn bị cho học kì II |  |  |
| 1 | Kiểm tra học kì II |  | Tuần 36 |

**HIỆU TRƯỞNG** **TỔ TRƯỞNG**

 **Phạm Lan Giang**